TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/HNGĐ- ST Ngày: 25/01/2024 *V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; Ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy*:** Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K – Sinh năm 1987; Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn K1 – Sinh năm 1988; Trú tại: Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023, bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày: Chị và anh Hà Văn K1 kết hôn với nhau ngày 03/11/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, anh K1 không lo làm ăn, gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Hà Văn K1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021. Cháu N, cháu Đ hiện

nay đang ở cùng chị K. Nay ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn K1 trong bản tự khai ngày 22/11/2023, quá trình giải quyết vụ án anh K1 trình bày: Anh và chị Phạm Thị K do tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2009, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị K yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021. Cháu N và cháu Đ hiện nay đang sống cùng chị K, khi ly hôn anh K1 đồng ý cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh K1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Phạm Thị K và anh Hà Văn K1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 03/11/2009. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021, hiện nay đang sống chung với chị K. Chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị cũng không đề nghị hòa giải tại địa phương.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho chị K được ly hôn anh K1; Về con chung: Đề nghị giao cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị K phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị K và anh Hà Văn K1 đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Võ Phạm Hồng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phạm Mai D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Võ Phạm Hồng T và anh Phạm Mai D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2019. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021. Vợ chồng đều thống nhất giao cháu N và cháu Đ cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên, anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Hà Thị Lê N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Hà Phước Đ còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, vợ chồng thống nhất giao cả hai con cho mẹ nuôi dưỡng. Do đó, nên giao cả hai con cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị K và anh K1 yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 - Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị K được ly hôn anh Hà Văn K1.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị Lê N, sinh ngày 27/10/2012 và cháu Hà Phước Đ, sinh ngày 18/01/2021 cho chị Phạm Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K1 có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010543, ngày 13/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị K không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị K; anh Hà Văn K1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Dung